

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV

Date:

Ngày:

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjabon Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand TO CÔNG-TÁC VIỆT-NAM

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn bản

1. Name
Họ, tên

TRẦN-TÂN-PHÁT

HA-NÓI

Sex:

Phái

Nam

2. Other Names
Họ, tên khác

3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh

11-3-1940. tại Saigon

4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú

F24 Cư Xá Phú Lâm B. Quận 6. Thành phố Hồ Chí Minh

5. Mailing Address
Địa-chỉ:thư-từ

F24 Cư Xá Phú Lâm B. Quận 6. Thành phố Hồ Chí Minh

6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại

Công nhân tổ hợp giấy

7. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-dình như sau: Đã lập gia-dình (M), ly ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-dình
1. HUYNH-THI-ĐẶC	10-11-1940	(Nữ)Rạch Giá		U3	
2. TRAN-HUYNH-PHƯƠNG	5-12-1969	Quận 5 Saigon		Con (S)	Nhũ
3. TRAN-HUYNH-PHƯƠNG	25-6-1971	Quận 5 Saigon		Nhũ con (S)	
4. TRAN-TÂN-PHÚC	1-2-1973	Quận 5 Saigon	Nam	Con (S)	
5. TRAN-HUYNH-ĐẶC	11-2-1976	Quận 5 Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Con (S)	
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legitimate copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản thật-sích, giấy kết-hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn-quân (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, tên

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

c. Address
Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

Mai Văn Hồng
Cháu

Comstock Park MI 49321
năm 1980 U.S.A.

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

c. Address
Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

TRẦN-LỘC (chết)

2. Mother
Mẹ

NGUYỄN-THỊ-HUỆ

3. Spouse
Vợ/Chồng:

VỢ HUỲNH-THỊ-ĐẶC

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái:

- (1) TRẦN-HUỲNH-PHƯỜNG (Nữ)
(2) TRẦN-HUỲNH-PHƯỜNG (Nữ)
(3) TRẦN-TÂN-PHÚC (Nam)
(4) TRẦN-HUỲNH-ĐỨC (Nam)
(5)
(6)
(7)
(8)
(9)

6. Siblings
Anh chị em:

- (1) CHỊ TRẦN-LÊ-ANH (Nữ)
(2) CHỊ TRẦN-THỊ-PHO (Nữ)
(3) CHỊ TRẦN-LÊ-DUNG (chết)
(4) CHỊ TRẦN-LÊ-HOÀ (Nữ)
(5) CHỊ TRẦN-LÊ-VĂN (Nữ)
(6)
(7)
(8)
(9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ.

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
Position title
Chức-vụ : _____
Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____
Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____
Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
Position title
Chức-vụ : _____
Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____
Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____
Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____
Position title
Chức-vụ : _____
Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____
Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____
Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: TRẦN-TÂN-PHÁT

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 20-11-1963 Đến 30-4-1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng Đại tá Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: _____

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung Tiền đồn trưởng Tiền đồn 1 Trung đoàn 49 Sư đoàn 25 Bộ Binh

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy Trung tá TĂNG-TÂN-KHOA Trung đoàn trưởng 49/Sư đoàn 25 Bộ Binh.
Thiếu tướng Lý-Tông-BÁ. Tư Lệnh
Sư-Đoàn 25 Bộ-Binh.

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

Đi học tập Cải tạo

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố vấn Mỹ

Trung úy J. TAYLOR

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phân-thưởng hoặc giấy khen.

Date received:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes ☐ No ☐)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thư nếu có.

Đúng sự có không? Có ☐ Không ☐)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Tới:

4. Description of Courses

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

AI đài-thọ chương-trình huấn-luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ-thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo

TRẦN-TÂN-PHAT

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

Từ:

6 - 1975

To:

Tới: Tháng 8 năm 1982

3. Still in Reeducation? * Yes

Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có

No

Không

*(If released, we must have a copy of your released certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cứu chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên:

Phat

Date

Ngày:

23 - 5 - 1989

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Please List Here All Documents Attached

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo số câu hỏi này

- 01 tờ bản sao giấy ra Trại

- 01 tờ giấy thả

- 06 tờ khai-sanh

- 06 tấm ảnh (mỗi người 6 tấm ảnh)

ODP-B
6/84

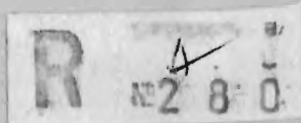
From: Lê. Tho - Trung
F. 24 Cư xá Phú Lâm B. Ph. 13. Q. 6.
TP. Hồ Chí Minh - VN.

60gr

24/7/90 60



To: Miss MINH PHƯỢNG



FALL CHURCH ~~VA~~. ~~VA~~
VA. 22. 043

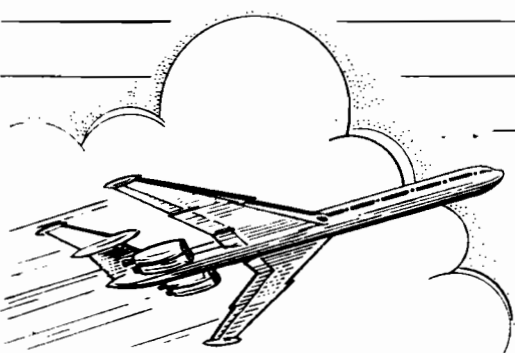
U.S.A

FROM: Lê thạ Trùng



TO: Cô Minh Phương
7813 Martha's Lane
Fall Church VA 22.043

U.S.A.





Com m. N/R (V-61)
HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION AS 1

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635 10/11/89

Hội Đồng Quản Trị
Board of Directors

KHÚC MINH THO
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIẾP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

Ban Chấp Hành T.Ư.
Executive Board

KHÚC MINH THO
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn
Advisory Committee

HIẾP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

DATE: JUL 24 1989

Orderly Departure Program
American Embassy, Box 58
APO San Francisco 96346-0001

LOP
received
14 SEP 1989

Re: TRAN TAN PHAT

Date of Birth: 3/11/40

IV #: NEED IV # NEED LOI

Length of Time in Re-education Camp 7.yrs

Dear Sir/Madam:

Upon request from the family of the above referenced former re-education camp detainee in Vietnam, I am forwarding to you the enclosed document(s) to complete his record with your office. I trust that the document(s) will be sufficient.

Should you have any additional questions and/or concerns, please feel free to contact us at the above address.

Thank you very much for your kind attention and assistance in the processing of this applicant.

Sincerely yours,

(Mrs.) Khuc Minh Tho
President

Enclosures

NOTE: This applicant has been sponsored by _____
as shown in the attachments.

It is also requested that the Letter Of Introduction be sent to our Association at the address that appears above.

Ms Fairy
Dan
Kai

Date: 7/10

To: MR. DANIEL SULLIVAN
State Department (ODP)
RP/RAP/SEA
Washington, D.C. 20520

From: Families of Vietnamese Political Prisoners Association

Name: Tấn Tài Phái

Date of Birth: 2-11-40

Address in VN F 26 Cui Xa' Phu' Lam B - Q 6. TP HCM

Number of Accompanying Relatives: 4越南同胞 NOV. 10-40

Reeducation Time: 7 Years Months Days

IV # _____

VEWL # _____

I-171 : Yes; No. - EXIT PERMIT: Yes ; No.

Special List # _____

Sponsor: _____

Remarks: _____

Sincerely,

KHUC MINH THO



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

Hội Đồng Quản Trị
Board of Directors

KHÚC MINH THO
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIẾP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

Ban Chấp Hành T.Ư.
Executive Board

KHÚC MINH THO
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn
Advisory Committee

HIẾP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

DATE: JUL 24 1989

Orderly Departure Program
American Embassy, Box 58
APO San Francisco 96346-0001

Re: TRAN TAN PHAT

Date of Birth: 3/11/40

IV # : NEED IV # NEED LOI

Length of Time in Re-education Camp 7.yrs

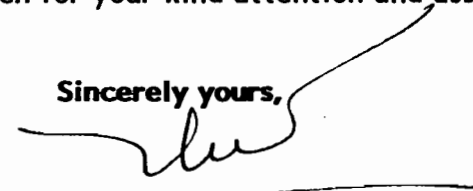
Dear Sir/Madam:

Upon request from the family of the above referenced former re-education camp detainee in Vietnam, I am forwarding to you the enclosed document(s) to complete his record with your office. I trust that the document(s) will be sufficient.

Should you have any additional questions and/or concerns, please feel free to contact us at the above address.

Thank you very much for your kind attention and assistance in the processing of this applicant.

Sincerely yours,


(Mrs.) Khuc Minh Tho
President

Enclosures

NOTE: This applicant has been sponsored by _____
as shown in the attachments.

It is also requested that the Letter Of Introduction be sent to our Association at the address that appears above.

Sài Gòn ngày 22/5/89

Chị Thảo

Thời giờ này là lúc tìm vợ của tôi.
Nhờ chị giúp giúp giới cho nhé.

O' đây, ai cũng tìm kiếm em và bạn
của chị, cho nên mới biết tôi giờ thì đi
gì với chị.

Giờ đây tôi cũng như Ông Trăn nên
cũng Trăn mang gởi. Tôi và B., gặp chúng
chúng tôi thích nhau từ khi có xe ở
Thiền miếu. Lúc này tôi và B. ở dưới
thợ chị chèo chị bán bánh.

Đến giờ nhận được tin của chị, tôi có
hỏi B., ở dưới chị có nhận được o'?

Thưa chị và Thanh Thảo cảm ơn chị
Thần Gởi, B. gởi, và bạn bè của chị.

T.B. Phát đã gửi một lần

năm 82, nhưng bị thất lạc

Thân,

Hùng

Trang

Saigon 23-5-1989.

Chị Thơ Kính mến.

Em là Phát, Em vợ của anh Lê-Thơ-Trung.

Hôm nay, Em viết thư có việc xin nhờ chị giúp đỡ.

Trong thư này, có hồ sơ của Em xin đi theo chương trình ODP như của anh Trung mà chị đã giúp.

Em biết chị rất bận việc, nhưng Em đã gửi hồ sơ một lần bị thất lạc vì không có người thân giúp đỡ và theo dõi, mỗi lần gửi rất khó khăn, nên Em nghĩ chị còn trông vào sự nhiệt tình, thân thiện của chị đối với chị của Phát, để nhờ chị chuyển đùm hồ sơ của Em đến chỗ đứng với chương trình và theo dõi, giúp đỡ.

Không dám làm mất thời giờ quý báu của chị nhiều, Em xin ngừng bút.

Kính chúc chị, các cháu và quý quyền luôn may mắn, mạnh - khỏe.

Thân.

Phát

Trần-Tân-Phát.

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

920-218/82
Mẫu số 001-QT/G, ban hành theo công văn số 2365 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại T. 1

Số 549 CRT

(34)

00087520462

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số TT/10 ngày 10 tháng 08 năm 82

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh TRẦN VĂN PHÁP

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bị đánh

Sinh ngày 11 tháng 03 năm 1940

Nơi sinh Sài Gòn

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

T. 24 Cư xá Phú Lâm B, Quận 6; tp: HCM

Cán tội Lợi dụng uy-tiêu đoàn trưởng

Bị bắt ngày

An phạt T. 10

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại T. 24 Cư xá Phú Lâm B, Quận 6; tp: HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

Quản chế T. 2 thông

Lấn tay ngón trỏ phải

Của Trần Văn Pháp

Danh bìn số

Lập

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Pháp

Ngày 24 tháng 6 năm 1982

Giám thị

Chức

Trần Văn Pháp

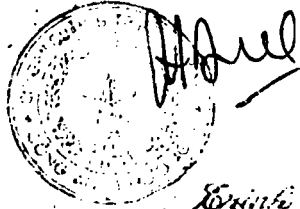
Trần Văn Pháp

Xác nhận số 299

Đã có đến trình diện tại
địa điểm ngày 28/06/82

ngày 28/06/82

Fó ca F7 Q6



Trưởng Phòng Dân

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH HAY THÀNH PHỐ

Tỉnh Hậu-Nghĩa

Quận Đức-Hoà

Xã Đức-Lập

Số hiệu: 87

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Tên, họ người chồng TRẦN-TẤN-PHẬT

nghề-nghiep Quân nhân

sinh ngày mười một tháng ba năm 1940

tại Sà Gòn

cur-sở tại KBC 4.711

tạm trú tại /

Tên, họ cha chồng Trần Lộc (chết)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng Nguyễn thị-Huê (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ HUỲNH-THỊ-ĐẮC

Nghề nghiệp Công chức

sinh ngày 10 tháng 11 năm 1940

tại Rạch giá

cur-sở tại Xã Đức-Lập

tạm-trú tại /

Tên, họ cha vợ Huỳnh-Công Nguyên (chết)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ Huỳnh-thị-Tiểu (chết)

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới Hai mươi tám, tháng mười hai, một ngàn chín trăm sáu
bảy

— Vợ chồng có khai hay không lập hôn-khế /

ngày / tháng / năm /

tại /

(Trích y bốn chánh)

Đức-Lập, ngày 06 tháng 01 năm 1968

VIÊN-CHỨC HỘ-TỊCH,

CHỦ-TỊCH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HÀNG-CHANG

XÃ ĐỨC-LẬP

QUẬN ĐỨC-HOÀ

TỈNH HẬU-NGHĨA

CHỦ-TỊCH

VIÊN-CHỨC HỘ-TỊCH

CHỦ-TỊCH

VIÊN-CHỨC HỘ-TỊCH

CHỦ-TỊCH

VIÊN-CHỨC HỘ-TỊCH

Nhân thư chữ ký ngay đây
của Chủ tịch Ủy ban Xã Đức-Lập

Hậu-Nghĩa ngày 16 tháng 01 năm 1968

U. M. Tỉnh Trưởng

PHÓ TỈNH TRƯỞNG HÀNH CHÁNH

T. M. Tỉnh Trưởng

T. M. Tỉnh Trưởng

T. M. Tỉnh Trưởng

T. M. Tỉnh Trưởng

T. M. Tỉnh Trưởng

T. M. Tỉnh Trưởng

T. M. Tỉnh Trưởng

T. M. Tỉnh Trưởng

T. M. Tỉnh Trưởng

NGUYỄN-LONG-VINH

VIỆT - NAM CỘNG - HOA
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ - PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ - PHÁP NAM - PHÂN
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ Sở-thẩm Saigon 6/TH
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère instance de Saigon)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH SAIGON
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHÂN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1940
(Année)

SỐ HIỆU 1525
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	TRẦN TÂN PHÁT
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	masculin
Sanh ngày nào (Date de naissance)	11 tháng ba năm một nghìn chín trăm bốn mươi
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Saigon, rue Chasseloup-Laubat
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	TRẦN LỘC
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	employé de commerce
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Cholon, rue de Thuận-Kiều
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	NGUYỄN THỊ HUE
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	sans profession
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Cholon, rue de Thuận-Kiều
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	premier rang.

Chúng tôi, Bùi-Dinh-Tuyên
(Nous)
được Chánh-án Toà Saigon u.n.
(Président du Tribunal)
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)
Ông BÀ TRẦN THỊ CẨM
(M.)
Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme),

Saigon, ngày 17/1/ 196 8

KT. CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF),



Saigon, ngày 17/1/196 8



Giá tiền :
(Cout)
Biên-lai số :
(Quittance N°)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
(République du Viet-Nam)

TÒA SƠ-THẨM

Kiên-Giang

PHÒNG LỤC-SỰ

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE

ĐĂNG-NGOC-D

Kiên-Giang

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Làng Vĩnh-Thanh-Vân

tỉnh Rạch-Giá

(NAM-PHẦN)

(Sud Viet-Nam)

NĂM 1940

(Année)

SỐ HIỆU 945

(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	<u>Huỳnh-Thị-Dắc</u>
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	<u>Con gái</u>
Sanh ngày nào (Date de naissance)	<u>Le dix Novembre 1940</u>
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	<u>Rạch-Giá Ville</u>
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	<u>Huỳnh-Công-Nguyên</u>
Cha làm nghề gì (Sa profession)	<u>Chauffeur D'auto</u>
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	<u>Rạch-Giá Ville</u>
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	<u>Huỳnh-Thị-Tiến</u>
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	<u>Sans profession</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Rạch-Giá Ville</u>
Vợ chánh hay thê. (Son rang de femme mariée)	<u>Vợ chánh</u>

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Giá tiền: 15000

(Cout)

Biên-lai số: 1849

(Quittance no)

NGUYỄN-THÀNH-CHÂU

Kiên-Giang ngày 27/03 1971



CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF)

Nhan-Đặng-Trữ

ĐÓ-THÀNH SAIGON

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TÒA HÀNH-CHÁNH QUẬN NĂM

HỘ-TỊCH

THUÊ/6

Số hiệu: I3398B

*

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Miễn phí quân vụ

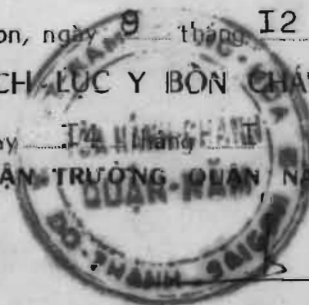
Năm một ngàn chín trăm

Sáu mươi chín

Tên, họ đứa nhỏ	TRẦN HUỖNH PHƯƠNG
Phái	NỮ
Ngày sanh	năm tháng chạp năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín hồi 11 giờ 10
Nơi sanh	128 đại lộ Hùng Vương
Tên, họ người Cha	TRẦN TẤN PHÁT
Tuổi	Hai mươi chín
Nghề-nghiệp	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	356 đường Nguyễn Duy Dương
Tên, họ người mẹ	HUỖNH THI ĐẮC
Tuổi	Hai mươi chín
Nghề-nghiệp	Cán sự điều dưỡng
Nơi cư-ngụ	356 đường Nguyễn Duy Dương
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 9 tháng 12 năm 19 69

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH:

Saigon, ngày 14 tháng 1 năm 19 71
TUN QUẬN-TRƯỞNG QUẬN NĂM, NAM,

NGUYỄN KIM-QU

NAM - PHẦN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

ĐÔ - THẠNH SAIGON

HỘ - TỊCH

TAM.4

Tòa Hành-Chánh-Quận

5699

5
B

Số hiệu :

MIỄN PHÍ QUAN VỤ

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

BAY MƯƠI MỘT

Năm một ngàn chín trăm

Tên, họ đứa nhỏ	TRAN HUYNH PHƯƠNG
Phái	Nữ
Ngày sanh	Ngày hai mươi lăm tháng sáu, năm một ngàn chín trăm bảy mươi một, hoi
Nơi sanh	128, Đại lộ Hùng Vương
Tên, họ người Cha	TRAN TAN PHAT
Tuổi	Ba mươi một
Nghề-nghiệp	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	356, Nguyễn Duy Dương
Tên, họ người mẹ	HUYNH THI ĐAC
Tuổi	Ba mươi một
Nghề-nghiệp	Cán sự điều dưỡng
Nơi cư-ngụ	356, Nguyễn duy Dương
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lâm tại Saigon, ngày 29 tháng 6 năm 1971

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH :

Saigon, ngày 11 tháng 12 năm 1971

T. L. QUẬN - TRƯỞNG QUẬN



Nguyễn Kim Sơn
Tham-Sự Hành-Chánh

ĐÔ THÀNH SÀI GÒN

QUẬN 5

Phường Hồng Bàng
Số hiệu : 1269

1

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SINH.

Lập ngày 6 tháng 2 năm 1973

: Tên họ đứa trẻ	TRẦN TẤN PHÚC	:
: Con trai hay con gái...	Nam	:
: Ngày sinh	Một tháng hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba hồi 1975.	:
: Nơi sinh.....	128 Hùng Vương	:
: Tên họ người cha	TRẦN TẤN PHÁT	:
: Tên họ người mẹ	HUỖNH THI ĐẮC	:
: Vợ chánh hay không có		:
: hôn thú.....	Vợ chánh	:
: Tên họ người đứng khai:	PHAN KHẮC THIỀU	:

Trích lục y bản chánh

Saigon, ngày 3 tháng 3 năm 1973, tại
Viện chức hộ tịch ký tên và đóng
Đại úy LÊ VĂN LONG, you khu trưởng kiêm
Phường trưởng Phường Hồng Bàng .

SAO Y BẢN CHÁNH

T/P Hồ Chí Minh , Ngày tháng năm 1977



Nguyen Hoang Ding

12. 12 al Pines - 5730. same -



TRẦN-HUYNH-PHƯƠNG

5-12-1969.

Saigon .



TRẦN - TÂN - PHÚC .

1 - 2 - 1973 .

Saigon .



Huỳnh Thị - Đắc

10-11-1940

Rạch Giá.



TRẦN-TẤN-PHÁT

11-3-1940 .

Saigon .



TRẦN HUỖNH - ĐỨC

11 - 2 - 1976

Saigon



TRẦN-HUYỀN-QUỐC

25-6-1971

Saigon